

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2026/HS-ST

Ngày: 28-4-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Châu Loan

Bà Phạm Thị Loan.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên toà:** Ông Ngô Đức Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn D**; sinh ngày 27-8-1998 tại tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân: 036098005360; nơi thường trú và nơi ở hiện nay: **xóm H, xã H, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Nguyễn Văn P** và bà: **Nguyễn Thị M**; không có vợ, con; gia đình có 03 chị em bị cáo là con thứ 2; tiền án: Bản án số 49/2024/HSST ngày 26-3-2024 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt **Nguyễn Văn D** 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 08-5-2025); tiền sự: không;

bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15-01-2026 chuyển tạm giam ngày 21-01-2026, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh N; có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; nơi thường trú: Số G Đ, phường N, tỉnh Ninh Bình; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D điều trị bệnh tại Bệnh viện N, tỉnh Ninh Bình từ ngày 05-01-2026. Khoảng 18 giờ 00 ngày 15-01-2026, D đi bộ từ trong Bệnh viện ra khu vực trước cổng sân bóng đá Lộc Hạ trên đường P, phường T, tỉnh Ninh Bình, thì nhìn thấy bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959 đang ngồi ở ghế trên vỉa hè, trước mặt có 01 bàn bán xỏ sô, dưới gầm bàn phía bên phải bà L có một ngăn bàn đang mở. Quan sát thấy bên trong ngăn bàn có 01 chiếc túi xách màu xám, D đi bộ ra phía sau bà L dùng tay trái giật chiếc túi xách để ở trong ngăn bàn rồi chạy trên vỉa hè đường P về phía cầu L. Bà L không kịp phản ứng gì chỉ hô lên bị cướp. Lúc này tổ công tác Công an phường T đang làm nhiệm vụ gần đó và quần chúng nhân dân truy đuổi bắt giữ được D trên tay đang cầm chiếc túi xách của bà L trong có số tiền 1.825.000 đồng. Ngoài ra tổ công tác tạm giữ của D 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A31, có mặt sau bằng nhựa màu tím, đã cũ.

Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 29-01-2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Ninh Bình kết luận: Giá trị tài sản của 01 túi xách màu xám đã cũ, kích thước (20x7x15)cm, có tay xách dài 15cm, khuy cài bằng kim loại màu vàng là 80.000 đồng.

Về phần dân sự: Bà Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản, không đề nghị gì thêm về bồi thường dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn D.

C điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A31, có mặt sau bằng nhựa màu tím, được chuyển giao và bảo quản theo quy định.

Bản Cáo trạng số 143/CT-VKS-KV7 ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình truy tố Nguyễn Văn D về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Văn D** khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Nguyễn Văn D** theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 171, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn D** phạm tội “Cướp giật tài sản”; xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; vấn đề dân sự: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) bị cáo **Nguyễn Văn D**, bị hại được quyền làm đơn kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh N**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Văn D** và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ lời khai của bị cáo **Nguyễn Văn D**, lời khai của bị hại, Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 29-01-2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **Ủy ban nhân dân phường T** và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 15-01-2026, tại khu vực vỉa hè trước cổng sân bóng đá L, đường P, phường T, tỉnh Ninh Bình, lợi dụng sơ hở của bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn D đã có hành vi công khai, nhanh chóng chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị L 01 túi xách màu xám đã cũ trị giá 80.000 đồng bên trong có số tiền 1.825.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn D chiếm đoạt là 1.905.000 đồng. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, xâm phạm đến trật tự công cộng, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo bị bệnh nặng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[4]. Về hình phạt chính: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vấn đề dân sự: Bà Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác, vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A31, có mặt sau bằng nhựa màu tím, đã cũ là tài sản của bị cáo không phải công cụ, phương tiện phạm tội, nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Văn D** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn D** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 15-01-2026.

2. Về biện pháp tư pháp: Trả lại bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A31, có mặt sau bằng nhựa màu tím nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 17-4-2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an tỉnh N** và Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Ninh Bình).

3. Án phí: Bị cáo **Nguyễn Văn D** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo **Nguyễn Văn D** được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền

làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

